



Giấc Mơ Sài Gòn

* Trần Nhật Kim

Rời “tàu há mòm” (Landing Ship, Tank- LST) để chuyển qua quân vận hạm Marine Adler đậu ngoài khơi, chúng tôi xa dần thành phố Hải Phòng, vùng đất cuối cùng của người Quốc Gia tại miền Bắc. Sau 3 ngày đêm lênh đênh trên biển cả, quân vận hạm Marine Adler đưa người di cư cập bến cảng Sài Gòn. Bây giờ mới là đầu tháng 5, gió sông thật mát. Đứng trên boong tàu nhìn xuống, khung cảnh yên lặng của bến cảng hiện ra trước mắt trong không khí ám áp của đầu Hè. Thỉnh thoảng thoáng hiện hình ảnh một thiếu nữ trên chiếc xe Mobilette chạy ngang, một phương tiện di chuyển khó thấy ở Hà Nội vào thời điểm này. Tôi có cảm tưởng vừa vượt thoát khỏi “vùng lửa đạn”, xa lánh nơi tràn ngập không khí hận thù, đang hủy diệt tình yêu thương và lòng tin của người Hà Nội. Một nơi mà không lâu trước đây, chúng tôi đã sống trong không khí gia đình hạnh phúc với lòng kiêu hãnh về những gương sáng của tiền nhân, còn in dấu nơi đền đài cung miếu trải dài khắp thành phố thân yêu này.

Tôi tự hỏi về hành động tàn ác của chế độ mới đối với chính đồng bào của mình, những người đã làm tường xả thân vì đất nước chống thực dân, khi cả miền Bắc đã nắm trọn trong tay. Mà không lâu trước đây, chế độ này thường hô hào “vì nhân dân quên mình”, được đề cao như một nghĩa cử “vì đất nước thân yêu mà hy sinh” vào thời gian đầu của cuộc kháng chiến, hầu chiếm được niềm tin của những người nhệ dạ đang khao khát đời sống tự do, được thổi phồng như một cuộc cách mạng vì nhân dân? Nhưng thực chất chỉ là sự giả dối, lừa gạt.

Theo đường lối của quan thầy Trung cộng, Việt cộng đã áp dụng chính sách phá bỏ 4 thứ đã có từ trước, là: “Tư tưởng, Văn hóa, Phong tục và Tập quán” (1), bất kể là tốt hay xấu. Khởi đầu bằng chính sách “Trăm hoa đua nở” để loại bỏ tư tưởng, văn hóa dân tộc và loại trừ thành phần trí thức qua hành động tù đầy giới văn nghệ sĩ. Đảng CSVN theo đúng đường lối của cộng sản Quốc tế, thiêu hủy văn hóa phẩm có từ nhiều thế kỷ, chạy theo văn hóa ngoại lai, khiến tư tưởng của một dân tộc trở lên “trên không chẳng dưới không rể”. Để đẩy nhanh tiến trình nhuộm đỏ đất nước, nghệ thuật tuyên truyền được tận dụng với chiêu bài “bài Phong - đả Thực”, nhắm mục tiêu loại bỏ thành phần quốc gia đối lập, mà hậu quả của chính sách “Cải cách Ruộng - Đất” là 172.008 người dân vô tội bị hành quyết, với hàng triệu thân nhân quyến thuộc phải sống trong cảnh đọa đầy ngoài lề xã hội. Tiếp theo là chính sách “Đấu tố”, đã giúp đảng CS thành công trong chính sách “chia để trị”.

Những hành động tàn ác trên được tô son điểm phấn với hào quang “Dân làm Chủ” của một đất nước “Độc lập, Tự do” như ghi trong Hiến Pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa ra đời năm 1946, một hình ảnh đã lừa gạt sự nhệ dạ cả tin của một dân tộc đang khao khát tự do.

Tệ hại hơn nữa, CS miền Bắc đã lợi dụng sự bồng bột của thế hệ tuổi trẻ ngây thơ áp dụng chính sách “Trăm năm trồng người”. Một thế hệ đã làm lẫn hy sinh cho mục đích hoang tưởng với tâm trạng hãnh diện về nền độc lập, mà thực chất chỉ là một nền độc lập lệ thuộc vào Cộng sản Quốc tế.



Từ những hành động trên, chứng tỏ số phận của tuổi trẻ giống như tờ giấy trắng, nhuộm xanh hóa xanh, nhuộm đỏ ra đỏ, được nhà chế độ mới dàn dựng biến thành những công cụ vô hồn, do ông Hồ chỉ đạo đám cán bộ dưới tay thực hiện. Đường lối tàn độc này đã đẩy người dân vào cảnh “**con ếch trong nồi nước đang đun sôi**”. (Theo nhận định của ông: William Thompson Sedgwick - 1888)(2).

Tất cả chỉ là giả tạo, như đã lừa gạt người dân miền Bắc trong thời “Bao cấp”, quyền lợi ưu tiên dành cho thành phần lãnh đạo mà hậu quả đưa tới nạn móc ngoặc, tham nhũng cửa quyền. Chủ nghĩa cộng sản bất chính là như thế, “chiếm của người làm của mình” gọi là phân chia công bằng như đã xảy ra trong cải cách ruộng đất, cũng giống như lực lượng Việt Minh, phe cánh của ông Hồ, cướp chính quyền dân chủ từ tay Thủ Tướng Trần Trọng Kim vào năm 1945. Thực ra, danh từ “Dân làm chủ” chỉ là mồi nhử để đánh lừa người dân miền Bắc, vì mục đích và nhiệm vụ đã được nêu rõ trong bản Hiến Pháp ra đời năm 1946: “Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng Lãnh Đạo.” Nói nôm na: Đảng đứng ở vị thế lãnh đạo tối cao, được tiếp tay bởi đám “đầu nậu” Nhà Nước, để

khổng chế đấm Nhân Dân nghèo thấp cổ bé miệng được cho “Làm Chủ”. Vì được ‘làm chủ’ nên phải “mở hầu bao” để đấm Nhà Nước mạnh tay xử dụng theo lệnh của Đảng, nên đấm “lãnh đạo tối cao” và “đầu nậu” nhà nước, kể tung người hứng thì giàu có, của cải không biết để đâu cho hết. Còn đấm dân đen “làm chủ” thì nghèo đói. Như vậy, Đảng không phải là nhân dân, như họ thường tự nhận từ nhân dân mà ra... mà **chỉ là một “Đảng cướp”, có hành động tàn bạo để bảo vệ vị thế cầm quyền**. Là thành phần làm ra Hiến Pháp nên Hiến pháp chỉ là phương tiện để đàn áp người dân. Để hợp thức hóa bản Hiến pháp với chiêu bài “Tự do – Dân chủ” nên cũng có “Quốc hội”, những người mang danh đại diện nhân dân, **nhưng cũng chỉ là đấm hám danh được đảng chỉ định làm cái loa cho đảng**. Để làm ra về có chính nghĩa nên mới có tình trạng “Đảng cử Dân bầu”, đưa ra một số tay chân bất tài vô tướng, làm đất nước tan hoang. Đảng chỉ xử dụng nhân dân như một tấm bình phong để che dấu tội ác, mà **bản chất của CS là gây tội ác, phá hoại**. Với những hành động này, tập đoàn lãnh đạo đảng CS đã để lộ nguyên hình là kẻ lừa gạt. **Một đảng tồn tại chỉ vì quyền lợi cá nhân và phe nhóm**. Dưới sự lệ thuộc về kinh tế và chính trị, miền Bắc trở thành bản sao của quan thầy Trung cộng trong mọi sinh hoạt xã hội.

*

Trở lại hành trình mở mang bờ cõi của các Vua quan nhà Nguyễn khai phá các vùng đất phương Nam xuống tận Cà Mau, Phú Quốc, trở thành một vùng đất trù phú, khiến người dân có đời sống ấm no hạnh phúc. Ngoài ra, các Chúa Nguyễn đã đưa người ra quản lý hải đảo Hoàng sa Trường sa để bảo vệ chủ quyền của đất nước. Thành phố Sài Gòn trở lên hấp dẫn các nhà thám hiểm Tây phương cũng như thương nhân các quốc gia trong vùng Đông Nam Á châu.

Theo bước chân của Trung úy John White thuộc Hải quân Hoa Kỳ, khởi hành từ thành phố Salem thuộc tiểu bang Massachusetts, đến thám hiểm Sài Gòn và các tỉnh phụ cận trong đó có Bà Rịa, Vũng Tàu trên chiếc tàu mang tên Franklin vào năm 1819, đến Bác sĩ George Finlayson, nguyên là thành viên trong phái bộ Anh do John Crawford dẫn đầu, đã tới Sài Gòn vào năm 1922. Dù chỉ lưu lại Sài Gòn và một vài thành phố khác trong thời gian ngắn, nhưng các nhà thám hiểm trên đều có nhận xét chung về sự phát triển của Sài Gòn trong một ngày không xa. Ngoài các mặt hàng như gia súc và sản phẩm địa phương bày bán tự do với giá rẻ, các vị trên đều ca tụng bản tính vui vẻ hòa nhã, thân thiện của cư dân bản địa, khiến các cuộc trao đổi được thuận lợi và hứa hẹn sẽ trở lại vùng đất trù phú này.

Trung úy John white cũng nhấn mạnh, Sài Gòn là nơi có nhiều kinh rạch sông ngòi rất thuận lợi cho việc giao thương với các quốc gia trên thế giới. Trong đó phải kể tới sự hiện diện của các thương nhân Anh, Pháp, Ấn cũng như Singapore...với cảnh tàu thuyền tấp nập tại các hải cảng, khiến Sài Gòn có tầm vóc của một thương cảng quốc tế, là nơi trao đổi văn hóa Đông - Tây.

Ngoài sự góp mặt của thương nhân các quốc gia trong vùng, người dân từ các tỉnh phía Bắc cũng theo nhau tới Sài Gòn mưu tìm một đời sống ấm no hạnh phúc. Sài Gòn trở thành một nơi “Tứ Chiếng”, vì cũng là vùng đất của dân nhập cư, nhưng “Tứ chiếng” của Sài Gòn có nhiều điểm khác với “Tứ chiếng” của Hà Nội. Về “Tứ Chiếng” của Hà Nội, theo lịch sử, Hà Nội nguyên là thành Đại La, khi Vua Lý Công Uẩn thấy một đám mây hình con rồng từ chân thành bay lên vào năm 1009, nên đã rời đô về Đại La và đổi tên là thành Thăng Long vào năm 1010. Ngày 1-10-1888 Vua Đồng Khánh ra đạo dụ nhượng cho Pháp thành phố Hà Nội. Sau Hiệp Ước Patenôtre, Tổng Thống Pháp, Sardi Carnot ra sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội. Hà Nội nằm dọc theo hữu ngạn sông Hồng, còn gọi là Nhị Hà, vì trước khi tới Hà Nội, sông Hồng tách ra một nhánh nhỏ chảy tới tỉnh Hải Dương mang tên sông Đuống.

Sang thế kỷ 20, trung tâm thành phố được mở rộng, Hà Nội trở lên sầm uất hơn. Các ao, hồ, đầm lầy dần dần được lấp kín để đáp ứng với dân số ngày một gia tăng, cũng như hấp dẫn cư dân các vùng xung quanh tới Hà Nội với giấc mơ đổi đời. “Hà Nội 36 phố phường” là biểu tượng của khu phố cổ, được giới hạn về phía Bắc là đường Hàng Đậu, phía Tây là đường Phùng Hưng, phía Đông là đường Trần Nhật Duật và Trần Quang Khải, phía Nam là đường Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng. Như vậy, chỉ “Kinh thành Thăng Long” thời nhà Lê mới có 36 phường, còn “Hà Nội 36 phố phường” mà chúng ta gọi hiện tại chỉ là một danh xưng không có trong thực tế.

Khi xưa, khu vực phố cổ được bao bọc bởi sông Tô Lịch ở phía Bắc, sông Hồng ở phía Đông và Hồ Hoàn Kiếm ở phía Nam. Ngoài ra, làng xã được bao bọc bởi lũy tre xanh, với tình làng nghĩa xóm qua Hương Ước,

nền dân chủ hiến định và pháp trị”, hầu bảo vệ sự công bằng cho toàn dân. Văn hóa, giáo dục dựa trên tinh thần nhân bản, khai phóng và dân tộc.

Việt Nam Cộng Hòa nhìn nhận mọi người dân đều có quyền và bổn phận như nhau, ngăn cấm kỳ thị giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, sắc tộc, trình độ học vấn hay chính kiến, lý lịch cá nhân. Mọi chính sách, chủ trương của quốc gia phải phù hợp với nhân sinh quan của con người. Trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh, con em của những gia đình có người tập kết theo cộng sản, vẫn được đối xử công bằng như mọi công dân khác và được pháp luật bảo vệ. Họ được quyền bầu cử, gia nhập quân đội để bảo vệ đất nước, quyền tham gia các hoạt động chính trị cũng như được làm ăn buôn bán. Con em những gia đình có người theo cộng sản cũng được tới trường và thăng tiến như mọi công dân khác tại miền Nam. Điều này khác với chế độ CS miền Bắc, chỉ dựa theo lý lịch ba đời của cá nhân, ngăn cấm trừ dập những người khác chính kiến.

Giáo dục được đặt lên hàng đầu. Số sinh viên đại học tăng 40% so với 1955, với 3.823 người. Số học sinh trung học là 60.860 với hệ 12 năm tại 136 trường trung học. Số học sinh tiểu học cũng đạt 671.585 người tại 3.473 trường.

Khi an ninh được ổn định, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đẩy mạnh tiến trình phát triển kinh tế. Chương trình “Cải cách điền địa” được thực hiện. Chính quyền mua lại đất bỏ hoang hay chưa canh tác của điền chủ để phân phối cho tá điền dưới hình thức trả góp dài hạn. Với đường lối này đã giúp cho tá điền làm chủ tài sản của mình, nâng sản phẩm lúa gạo từ 2 triệu tấn trong năm 1954-1955 lên hơn 3 triệu tấn trong năm 1957. Tiếp theo là “kế hoạch Ngũ niên”, từ 1957 đến 1961, đã nâng số lượng sản xuất lúa gạo lên 4 triệu tấn, cao su đạt 70 triệu tấn. Sản lượng khoáng sản cũng gia tăng, như mỏ than Nông Sơn, nhà máy xi-măng Hà Tiên... cung ứng đủ nhu cầu phát triển của miền Nam. Miền Nam đã xuất cảng lúa gạo và cao su,... khiến đời sống người dân ngày thêm ấm no hạnh phúc. Phương tiện giao thông như cầu đường, đường sắt cũng được tu sửa và thay thế mới. Sa lộ Sài Gòn-Biên Hòa hoàn tất đưa vào sử dụng. Đập thủy điện Đanhim cũng khánh thành vào năm 1964. Các giếng dầu hỏa ngoài khơi bờ biển Việt Nam Cộng Hòa cũng được khởi công tìm kiếm và khai thác.

Sau chính sách “Cải cách điền địa” đến “Người cày có ruộng”, nông dân được làm chủ ruộng đất của mình, khiến lúa gạo sản xuất đã gia tăng, chính quyền VNCH quan tâm tới đời sống của công nhân. Chính sách “Hữu sản hóa” do hai Tổng đoàn công nhân thực hiện: Tổng Liên đoàn lao công và Tổng Công đoàn Tự do. Những chiếc xe Bus chuyên chở công cộng đến xe Lambretta 3 bánh cũng thuộc quyền sở hữu của công nhân.

Các tổ chức dân sự khác cũng được thành lập để góp tiếng nói phục hưng xứ sở. Người dân có quyền tự do ngôn luận trong phạm vi luật pháp cho phép. Sách báo in ấn tự do, bày bán công khai trong hiệu sách hay các sạp báo tại lề đường. Người dân được tự do tiếp cận với thông tin các đài ngoại quốc cũng như sách báo nước ngoài, kể cả sách báo viết về chủ nghĩa cộng sản. Sự tự do về thông tin như trên bị ngăn cấm triệt để tại miền Bắc, 10 người chia nhau đọc một tờ báo Cứu quốc hay Nhân dân. Máy thu thanh (radio) cá nhân phải được chính quyền cho phép và giấy phép có câu “Cấm nghe đài ngoại quốc”. Thực ra, người dân quá nghèo không có khả năng sở hữu một chiếc radio, ngoại trừ một số cán bộ có đặc quyền “móc ngoặc”.

Âm nhạc cũng nở rộ, ảnh hưởng sâu rộng tới mọi tầng lớp quần chúng trong nước và hải ngoại. Nhất là sau ngày 30-4-1975, âm nhạc miền Nam được CS liệt vào loại “Nhạc vàng), dù bị ngăn cấm triệt để tại miền Bắc, nhưng một sớm một chiều, nhạc vàng thể hiện tình người đã trở thành “món ăn tinh thần” không thể thiếu của người Việt trong nước, bất kể miền Bắc hay miền Nam. “Nhạc vàng” cũng theo bước chân người tù cải tạo miền Nam hiện diện tại miền Bắc, từ thành phố đông người đến vùng núi rừng Việt Bắc, đã loại bỏ “Nhạc đỏ”, chỉ xuất hiện tại miền Nam sau ngày 30-4-1975, một loại nhạc mang âm hưởng Trung hoa với hình ảnh nhuộm đầy máu và nước mắt của người dân Việt, đã bị rơi vào quên lãng.

*

Tôi lớn lên ở Hà Nội, mang nặng tình thương và nỗi nhớ. Một nơi còn đậm nét trong tâm tư của tôi, từ giọng nói trầm bổng êm dịu quyến rũ của người con gái Bắc Hà đến khung cảnh hào hùng của tiền nhân còn ghi lại, là dấu ấn khó quên của một thời tuổi trẻ. Hà Nội tuy các căn phố có nhỏ nhưng tự nó có trật tự, mà phải ở một thời gian đủ lâu mới cảm nhận được thứ tình cảm ấm cúng yêu thương không thể thiếu đó.

Nhưng hiện tại Hà Nội đã đổi đời, đang bị mê hoặc bởi mùi thơm của bánh vẽ. Tôi tiếc cho Hà Nội, đã một thời vang danh là cái nôi của văn học, một nơi địa linh nhân kiệt, là linh hồn của dân tộc Việt oai hùng. Một thứ văn hóa ích kỷ, vô cảm đang gặm nhấm, hủy hoại nét đẹp truyền thống của quốc gia này. Sau bảy thập niên dưới ách nô lệ của cộng sản, một khoảng thời gian dài quá đủ để nhìn rõ bộ mặt thật của một chủ nghĩa vốn không phải vì dân tộc, mà thực chất chỉ là một tập đoàn dựa vào quyền lực “cướp của người làm của mình”. Hẳn người Hà Nội đã nhìn rõ mặt trái của “Thiên đường hoang tưởng” này, để dân tộc thoát khỏi sự u mê như đám ếch trong nồi nước đang đun sôi.

Sài Gòn trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Cộng Hòa, một đất nước mà nền tự do và dân chủ còn non trẻ, nhưng đã chứng tỏ là “Miền đất hứa”. Người dân di cư tạo dựng đời sống mới với hai bàn tay trắng vì đã bỏ của chạy lấy người khi rời miền Bắc. Sài Gòn ví như một bà mẹ hiền, dang rộng vòng tay đón nhận, vỗ về đùm bọc những đứa con lạc lõng, nhưng cũng gắn bó như một người tình thủy chung, càng ở lâu càng nặng tình yêu thương quyến luyến. Vì vậy, đi xa vẫn nhớ, vẫn mong muốn trở về. Câu ca dao “Sài Gòn dễ ở khó về...” đã trở thành “lời tiên đoán” cho bất cứ ai ghé Sài Gòn, không hẳn chỉ dành riêng cho hơn một triệu người miền Bắc di cư vào Nam sau biến cố “20-7-1954”, mà còn cầm giữ những du khách vắng lai. Dù sớm hay muộn, đã ghé thăm thành phố này, cũng quyến luyến khó rời, có cảm tưởng mình là “Người Sài Gòn”.

Dù trải qua bao nhiêu thăng trầm, lý tưởng Tự do - Dân chủ vẫn bừng cháy trong tâm tư người Sài Gòn. Sài Gòn trở thành nơi hò hẹn quốc tế, một nơi dẫn đầu cho công cuộc chấn hưng đất nước và vực dậy nền kinh tế đang trên đường phá sản.

Trần Nhật Kim

Chú thích:

Tài liệu Tham khảo trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

- Pháp Tứ cự: Mao Trạch Đông và Lâm Bưu phát động chiến dịch chống lại bốn cái cũ với mục đích thoát khỏi những khuôn mẫu của Trung quốc cũ. Chiến dịch này được phát triển và thực hiện bởi Hồng vệ binh, gồm: Tư duy cũ, Văn hóa cũ, Thói quen cũ, Phong tục cũ.

- Boiling Frog: Năm 1888, William Thompson Sedgwick đưa ra nhận định: nếu nhiệt độ tăng lên từ từ, những con ếch trong nồi nước đang đun không cảm nhận được sự thay đổi nhiệt độ nước trong nồi nóng dần, một cái chết êm dịu sẽ đến.

- Những ngày cuối cùng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm – Hoàng Ngọc Thành & Thân Thị Nhân Đức.

- Tứ Trấn - Còn gọi là Tứ chiếng: Gồm bốn trấn bao quanh thành Thăng Long: Trấn Kinh Bắc, Trấn Sơn Nam, Trấn Hải Dương và Trấn Sơn Tây (có từ thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức-1490).

Tứ Chiếng cũng có nghĩa bốn phương.

- Minh Hòa: Đồng hồ Patek Philippe.

- William

Thompson Sedgwick (1888): Ếch trong nồi nước đun sôi-<https://en.wikipedia.org/wiki/Boilingfrog>

- Lâm Văn Bé: Con người đất Nam kỳ.